

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TL
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2024/HS-ST

Ngày: 18/12/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL - TỈNH HƯNG YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đào Văn Ngà;
- Bà Đoàn Thị Thu.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Mừng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 63/2024/TLST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Vũ Trọng T**, sinh năm 1977, tại: thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: Tổ dân phố K, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vũ Đình H (đã chết) và bà: Hoàng Thị Đ, sinh năm 1952; Vợ: Hoàng Thị Th, sinh năm 1985 (đã ly hôn); Có 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2007; Tiền sự: Không;

Tiền án:

- Tại bản án số 41/2012/HSST ngày 24/5/2012 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong án phạt tù ngày 27/8/2012, chấp hành xong các quyết định khác của bản án ngày 04/7/2012.

- Tại bản án số 05/2013/HSST ngày 25/01/2013 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong án phạt tù ngày 13/5/2013, chấp hành xong án phí ngày 01/01/2013, chưa chấp hành khoản tiền phạt và tiền bồi thường trách nhiệm dân sự.

- Tại bản án số 86/2013/HSST ngày 26/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong án

phạt tù ngày 20/4/2014, chấp hành xong án phí ngày 23/12/2013, chưa chấp hành khoản tiền bồi thường trách nhiệm dân sự.

- Tại bản án số 107/2014/HSST ngày 11/12/2014 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang xử phạt 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong án phạt tù ngày 16/6/2015, chấp hành xong các quyết định khác của bản án ngày 18/12/2015.

- Tại bản án số 03/2016/HSST ngày 28/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong án phạt tù ngày 15/11/2016, chấp hành xong các quyết định khác của bản án ngày 19/7/2016.

- Tại bản án số 18/2017/HSST ngày 04/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xử phạt 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong án phạt tù ngày 10/11/2017, chấp hành xong các quyết định khác của bản án ngày 28/6/2017.

- Tại bản án số 11/2018/HSST ngày 16/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong án phạt tù ngày 07/8/2018, chấp hành xong các quyết định khác của bản án ngày 25/6/2018.

- Tại bản án số 73/2019/HSST ngày 09/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 20 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong án phạt tù ngày 21/7/2020, chấp hành xong các quyết định khác của bản án ngày 09/7/2019.

- Tại bản án số 27/2021/HSST ngày 22/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang xử phạt 36 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản với tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm nguy hiểm”. Chấp hành xong án phạt tù ngày 22/10/2023, chấp hành xong các quyết định khác của bản án ngày 25/5/2021.

Nhân thân: Tại Bản án số 83/1999/HSST ngày 24/12/1999 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong bản án tháng 9 năm 2000.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/7/2024 đến ngày 24/7/2024 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Lưu Văn D**, sinh năm 1994, tại: xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; HKTT: Thôn Bản G, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; Chỗ ở hiện tại: Phố XD, phường LS, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lưu Văn L, sinh năm 1961 và bà: Sâm Thị Ph (đã chết); Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không;

Tiền án:

- Tại Bản án số 69/2020/HS-ST ngày 18/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành

xong hình phạt tù ngày 08/8/2021, chấp hành xong các quyết định khác của bản án ngày 08/10/2020.

- Tại Bản án số 33/2022/HS-ST ngày 27/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện huyện C, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/4/2024, chấp hành xong các quyết định khác của bản án ngày 02/8/2022.

Nhân thân:

- Tại Bản án số 172/2013/HSST ngày 21/11/2013 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Chấp hành xong bản án ngày 13/6/2015.

- Tại Bản án số 81/2016/HSST ngày 28/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong bản án ngày 29/9/2017.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/7/2024, đến ngày 24/7/2024 chuyển tạm giam. Hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Lưu Văn D: Ông Lê Thanh Tùng - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hưng Yên.

Ông Lê Thanh Tùng có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

- Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1969 “*Vắng mặt*”

Địa chỉ: Thôn DP, xã TP, huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

- Ông Lê Văn Q, sinh năm 1962 “*Vắng mặt*”

Địa chỉ: Phố PNL, thị trấn V, huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Thị Vân Ah, sinh năm 1993 “*Vắng mặt*”

Địa chỉ: Thôn DC, xã DV, thị trấn V, huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

Người làm chứng:

- Anh Đinh Văn C, sinh năm 1991 “*Vắng mặt*”

Địa chỉ: Phố XD, phường LS, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

- Bà Đào Thị S, sinh năm 1994 “*Vắng mặt*”

Địa chỉ: Đội n, thôn LS, xã TP, huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Trọng T và Lưu Văn D quen biết nhau khi cùng chấp hành án tại trại giam Hoàng Tiên - Bộ Công an. Khoảng đầu tháng 7/2024, T và D cùng xin vào làm công nhân tại công trình làm cống thoát nước ở phường LS, thành phố H, tỉnh

Hung Yên và thuê nhà trọ ở cùng nhau tại phố XD, phường LS, thành phố H với anh Đinh Văn C.

*** Vụ thứ nhất:** Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 07/7/2024, T nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân nên đã rủ D cùng đi trộm cắp tài sản. T nói với D “đi chợ với anh, nếu mà có con mày ưng thì anh lấy cho” thì D đồng ý. T và D cùng thống nhất khi phát hiện được tài sản để trộm cắp thì T sẽ trực tiếp thực hiện hành vi phá khóa xe để trộm cắp, còn D đứng ngoài cảnh giới, nếu bị phát hiện sẽ điều khiển xe chở T tẩu thoát. Lúc này, T cầm theo 01 vạm phá khóa bằng kim loại, hình chữ “L”, một đầu bọc nhựa màu vàng, một đầu hình lục giác rỗng, có 04 vật hình trụ bằng kim loại, một đầu đập bẹt và một đầu lục giác để gắn vào đoạn kim loại hình chữ L. Sau đó, T dắt xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng, biển số 98AF-074.73 của T ra ngoài rồi tháo biển số 98AF-074.73 ra gắn biển số 98B2-751.58 mà T nhặt được trước đó vào rồi điều khiển xe chở D đi trộm cắp tài sản. T điều khiển xe mô tô chở D theo đường Quốc lộ 39A, rồi đi lên đường đê về hướng huyện TL. Khi đi đến đoạn đường đê thuộc địa phận thôn LS, xã TP, huyện TL, tỉnh Hưng Yên, T điều khiển xe rẽ trái vào đường bê tông thuộc thôn Lam Sơn, xã Thiện Phấn thì phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu xanh, biển số 89B2-144.14 của bà Nguyễn Thị Đ đang dừng ở rìa đường bê tông, phía trước cổng nhà bà Đào Thị S. T quan sát thấy không có người trông coi nên xuống xe đi bộ đến vị trí chiếc xe mô tô của bà Đ, còn D ngồi trên xe mô tô của T cảnh giới. T lấy vạm phá khóa từ trong túi quần đang mặc ra ấn vào ổ khóa xe mô tô của bà Đ, đồng thời vặn mạnh thì mở được khóa xe. T cất vạm vào túi quần rồi nổ máy điều khiển xe đi về phía đường đê, D cũng điều khiển xe mô tô của T đi theo sau. T và D điều khiển xe theo đường đê về hướng cầu Y, thành phố H. Khi đi đến khu vực đoạn đường đê thuộc phường LS, thành phố H thì cả hai dừng lại. Lúc này, T mở cốp xe mô tô vừa trộm cắp được ra kiểm tra thì thấy bên trong cốp xe có: 01 giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị Đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu hồng và số tiền 1.200.000 đồng. T cầm số tiền 1.200.000 đồng chia cho D 600.000 đồng và giữ lại số tiền 600.000 đồng. D cầm chiếc điện thoại trong cốp xe mô tô của bà Đ kiểm tra thì thấy có icloud và đặt mật khẩu nên T bảo D ném đi. Sau đó, T và D điều khiển xe theo đường đê rồi đi qua cầu Y sang tỉnh Hà Nam. Trên đường đi, D ném chiếc điện thoại di động của bà Đ xuống bãi tha ma giáp đường đê thuộc địa phận phường LS, thành phố H. Khi sang địa phận tỉnh Hà Nam, cả hai tiếp tục điều khiển xe theo đường đê đến khu vực Đền LG thuộc địa phận xã M, thị xã DT, tỉnh Hà Nam thì dừng lại. T lấy bật lửa đốt đăng ký xe mô tô của bà Đ rồi dùng cờ lê có sẵn trong cốp xe tháo biển số chiếc xe của bà Đ ra cầm rồi cả hai điều khiển xe quay về thành phố H. Khi đi qua cầu Y, T ném chiếc biển số xe của bà Đ xuống sông rồi cả hai điều khiển xe về công trường làm cống thoát nước ở phường LS, thành phố H. Lúc này, D điều khiển xe mô tô của T về phòng trọ trước, còn T mang chiếc xe mô tô trộm cắp được của bà Đ cất giấu ở khu vực bụi chuối gần công trường rồi đi bộ về phòng trọ. Đến khoảng 05 giờ sáng hôm sau, T đi ra khu vực cất giấu xe mô tô trước đó lấy xe và mang đi bán cho một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ được số tiền 2.300.000 đồng. Sau khi bán được xe mô tô, T đi về phòng trọ chia cho D số tiền 1.000.000 đồng, số tiền còn lại là 1.200.000 đồng T cầm để tiêu sài. Số tiền bán xe và số tiền trộm cắp

được T và D đều đã tiêu sài cá nhân hết. Đến ngày 14/7/2024, bà Đ làm đơn trình báo sự việc với Công an xã TP.

*** Vụ thứ hai:** Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 12/7/2024, T tiếp tục nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu sài nên rủ D đi trộm cắp cùng thì D đồng ý. T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda wave, gắn biển số 98B2-751-58 của T chở D đi từ phòng trọ qua đê rồi tiếp tục điều khiển xe theo đường Quốc lộ 38B về hướng huyện TL, tỉnh Hưng Yên. Khi đi đến địa phận phố PNL, thị trấn V, huyện TL, T phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, biển số 89H2-061.68 của ông Lê Văn Q đang dựng trên vỉa hè trước cửa nhà ông Q. T quan sát thấy không có ai trông coi nên xuống xe đi đến vị trí chiếc xe mô tô của ông Q, còn D ngồi trên xe mô tô của T cảnh giới. T thấy chiếc xe mô tô của ông Q vẫn cắm chìa khóa trên ổ khóa xe nên mở khóa xe, nổ máy rồi điều khiển xe theo đường Quốc lộ 38B về hướng huyện PC, còn D điều khiển xe đi theo T. Khi đi được khoảng 300m thì chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được bị chết máy. Sợ bị phát hiện nên T bỏ chiếc xe của ông Q lại ở rìa đường rồi lên xe D đi trên đường Quốc lộ 38B tìm tài sản sơ hở khác để trộm cắp nhưng không phát hiện được tài sản gì nên cả hai cùng đi về phòng trọ. Sau khi phát hiện bị mất xe, ông Q tìm kiếm thì phát hiện chiếc xe mô tô đang dựng tại rìa đường Quốc lộ 38B, thuộc địa phận thị trấn Vương, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên, cách nhà ông Q khoảng 300m nên đã làm đơn trình báo sự việc với Công an thị trấn V.

Ngày 15/7/2024, Lưu Văn D đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TL đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của D và Vũ Trọng T như đã nêu trên.

Cùng ngày, Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Lưu Văn D ở phố XD, phường LS, thành phố H, tỉnh Hưng Yên nhưng không thu giữ được gì liên quan đến vụ án.

Quá trình bắt và khám xét khẩn cấp đối với Vũ Trọng T, Cơ quan điều tra không thu giữ đồ vật, tài liệu gì. T đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra: 01 vật bằng kim loại, dạng chữ “L”, một đầu được bọc nhựa màu vàng dài 9,5cm, đầu còn lại rồng hình lục giác dài 15cm; 04 vật hình trụ bằng kim loại, một đầu dẹt, đầu còn lại là hình lục giác, trong đó có 03 vật có chiều dài 08cm, 01 vật dài 04cm; 01 cờ lê bằng kim loại sáng màu, một đầu 10, một đầu 08; 01 đôi găng tay vải màu xám; 01 quần vải màu nâu; 01 áo dài tay, loại vải kaki màu vàng nhạt; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng, biển số 98AF-074.43 và 01 mũ bảo hiểm loại nửa đầu, có kính chắn gió, mũ màu đỏ có ghi chữ “HJC” (là những đồ vật T sử dụng trong quá trình trộm cắp 02 chiếc xe mô tô trên).

Ngày 17/7/2024, qua tin báo của quần chúng nhân dân, Cơ quan điều tra đã phát hiện, quản lý chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu xanh, không gắn biển số, số khung: RLHJF3312DY333445, số máy: JF33E0406487 của bà Nguyễn Thị Đ được dựng tại rìa đường cánh đồng, thuộc địa phận thôn XD, xã HD, huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

Đối với chiếc điện thoại iphone 6s màu hồng, dung lượng 128GB; 01 giấy đăng ký xe và 01 biển số 89B2-144.14 xe mô tô của bà Nguyễn Thị Đ bị các bị cáo trộm cắp: Kết quả điều tra đến nay xác định, sau khi trộm cắp được các tài sản trên của bà Đ, T đã đốt giấy đăng ký xe và ném chiếc biển số 89B2-144.14

xuống Sông Hồng khi đi qua cầu Y; D đã ném chiếc điện thoại di động của bà Đ xuống bãi tha ma giáp đường đê thuộc địa phận phường LS, thành phố H. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành truy tìm vật chứng đối với những đồ vật trên nhưng không tìm được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 39/KL-HĐĐGTS ngày 19/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện TL kết luận: Giá trị của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu xanh, biển số 89B-144.14, đã qua sử dụng là 9.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 49/KL-HĐĐGTS ngày 20/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện TL kết luận: Giá trị của chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, màu hồng, dung lượng 128GB, đã qua sử dụng từ năm 2018 là 100.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 40/KL-HĐĐGTS ngày 19/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tiên Lữ kết luận: Giá trị của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH125i, biển số 89H1-061.68, đã qua sử dụng là 35.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trích xuất camera tại nhà anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1983, trú tại thôn LS, xã TP, huyện TL, tỉnh Hưng Yên thu giữ 02 file video ghi lại diễn biến sự việc và tiến hành trưng cầu giám định. Tại bản kết luận giám định số 287/KL-KTHS(KTS) ngày 10/10/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên thể hiện: Không có dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong 02 file video gửi giám định. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành cho bị cáo T và bị cáo D trực tiếp xem video, kết quả: T và D đều thừa nhận hình ảnh trong video quay lại là thời điểm T và D trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu xanh, biển số 89B2-144.14 của bà Nguyễn Thị Đ.

Vật chứng thu giữ, việc xử lý vật chứng:

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu xanh, không đeo biển kiểm soát, số khung: RLHJF3312DY333445, số máy: JF33E0406487.
- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH125i, biển số 89H1 - 061.68.
- 01 vật bằng kim loại, dạng chữ “L”, một đầu được bọc nhựa màu vàng dài 9,5cm, đầu còn lại rộng hình lục giác dài 15cm;
- 04 vật hình trụ bằng kim loại, một đầu dẹt, đầu còn lại là hình lục giác, trong đó có 03 vật có chiều dài 08cm, 01 vật dài 04cm;
- 01 cờ lê bằng kim loại sáng màu, một đầu 10, một đầu 08;
- 01 đôi găng tay vải màu xám;
- 01 quần vải màu nâu;
- 01 áo dài tay, loại vải kaki màu vàng nhạt;
- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng, biển số 98AF-074.43;
- 01 mũ bảo hiểm loại nửa đầu, có kính chắn gió, mũ màu đỏ có ghi chữ “HJC”

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị Đ và chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH125i là tài sản hợp pháp của ông Lê Văn Q nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho bà Đ và ông Q.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Lê Văn Q đã nhận lại được tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu, đề nghị gì về trách nhiệm dân sự; Bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu các bị cáo bồi thường cho bà số tiền 1.000.000 đồng là giá trị của chiếc điện thoại Iphone 6s và số tiền 1.200.000 đồng để trong cốp xe mô tô Honda Vision màu xanh, BKS 89B2-144.14 mà các bị cáo đã trộm cắp của bà.

Quá trình điều tra Vũ Trọng T, Lưu Văn D đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số: 60/CT-VKS-TL ngày 07/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, tỉnh Hưng Yên đã truy tố Vũ Trọng T và Lưu Văn D về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

* Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ:

Giữ nguyên nội dung cáo trạng. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Vũ Trọng T và bị cáo Lưu Văn D. Đề nghị:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Trọng T và Lưu Văn D phạm tội Trộm cắp tài sản.

- Về hình phạt: Tuyên phạt bị cáo Vũ Trọng T từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 15/7/2024.

Tuyên phạt bị cáo Lưu Văn D từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 15/7/2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự; Các Điều 584, 585, 587 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc các bị cáo Vũ Trọng T và Lưu Văn D, mỗi bị cáo phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 1.100.000 đồng. Bà Đ được nhận số tiền 2.200.000đ do các bị cáo bồi thường tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên theo Biên lai thu tiền ký hiệu số: BLTT/24 số 000573 ngày 18/12/2024.

- Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Truy thu của bị cáo Vũ Trọng T số tiền 1.300.000đ (Một triệu ba trăm ngàn đồng), truy thu của bị cáo Lưu Văn D số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

+ Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng, biển số 98 AF-074.43, số máy JA70E-0419208, số khung RLHJ393XRY106714.

+ Tịch thu cho tiêu hủy: 01 vật bằng kim loại, dạng chữ “L”, một đầu được bọc nhựa màu vàng dài 9,5cm, đầu còn lại rộng hình lục giác dài 15cm; 04 vật hình trụ bằng kim loại, một đầu dẹt, đầu còn lại là hình lục giác, trong đó có 03 vật có chiều dài 08cm, 01 vật dài 04cm; 01 cờ lê bằng kim loại sáng màu, một đầu 10, một đầu 08; 01 đôi găng tay vải màu xám; 01 quần vải màu nâu; 01 áo dài tay, loại vải kaki màu vàng nhạt, bên trên túi áo ngực phía trước bên trái áo có dòng chữ U.S.ARMY; 01 mũ bảo hiểm loại nửa đầu, có kính chắn gió, mũ màu đỏ có ghi chữ “HJC”.

+ Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo D.

* Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Lưu Văn D:

- Về tội danh: Đồng tình với nội dung bản cáo trạng và bản luận tội Viện kiểm sát nhân dân huyện TL. Hành vi của bị cáo Lưu Văn D là vi phạm pháp luật. Bị cáo bị truy tố và xét xử về tội danh được quy định tại bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TL là đúng với hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo.

- Về hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử bị cáo Lưu Văn D mức án 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội, đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện TL; Viện kiểm sát và Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện TL trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp khách quan với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Trên cơ sở đó có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 16 giờ ngày 07/7/2024, tại thôn LS, xã TP, huyện TL, tỉnh Hưng Yên, Vũ Trọng T và Lưu Văn D đã lợi dụng sơ hở, có hành vi lén lút trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số 89B2-144.14, trị giá 9.000.000

đồng, bên trong cốp xe có 1.200.000 đồng và 01 điện thoại di động Iphone 6s màu hồng trị giá 100.000 đồng của bà Nguyễn Thị Đ.

Khoảng 08 giờ ngày 12/7/2024, tại Phố PNL, thị trấn V, huyện TL, tỉnh Hưng Yên, Vũ Trọng T và Lưu Văn D đã lợi dụng sơ hở, có hành vi lén lút trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH125i, biển số 89H1-061.68 trị giá 35.000.000 đồng của ông Lê Văn Q.

Tổng giá trị các tài sản trộm cắp là 45.300.000 đồng.

Hành vi nêu trên của Vũ Trọng T và Lưu Văn D đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản, quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự. Vũ Trọng T đã tái phạm nguy hiểm, chưa được xóa án tích, Lưu Văn D đã tái phạm, chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của T và D thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”, theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện TL truy tố bị cáo về tội danh và áp dụng điều luật như Cáo trạng đã viện dẫn là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về vị trí, vai trò:

Trong vụ án này, bị cáo T là người khởi xướng việc trộm cắp, rủ rê bị cáo T đi trộm cắp, T trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp và mang tài sản trộm cắp được đi bán nên bị cáo T là vai trò chính. Bị cáo D cùng bị cáo T đi trộm cắp, đứng ngoài cảnh giới cho bị cáo T nên bị cáo D là đồng phạm với vai trò thực hành.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 07 và ngày 12/7/2024, T và D đã thực hiện 02 hành vi trộm cắp, tài sản mỗi lần trộm cắp đều trên 2.000.000đồng nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội từ hai lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Đối với Vũ Trọng T, mặc dù từ năm 2012 đến năm 2021 T đã 09 lần bị kết án về tội Trộm cắp tài sản và đều chưa được xóa án tích. Tuy nhiên, tại các thời điểm thực hiện hành vi phạm tội trên, T làm nghề lao động tự do và có thu nhập để sinh sống, không xác định việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản làm nguồn sống chính. Do vậy không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” đối với T.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận tội; Trước khi mở phiên tòa các bị cáo đã tác động gia đình bị cáo T nộp số tiền 2.200.000đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên để bồi thường cho bà Nguyễn Thị Đ nhằm khắc phục hậu quả; Quá trình điều tra bị cáo D đã đến Công an huyện Tiên Lữ đầu thú; Bị cáo T có bố đẻ là người có công với Cách mạng được tặng Huân, huy chương. Do vậy các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự an ninh ở địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo có nhân thân rất xấu, bị cáo T đã 10 lần bị xét xử về tội trộm cắp tài sản, bị cáo D đã 04 lần bị xét xử về tội Trộm cắp tài sản, Cố ý gây thương tích và tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, tuy nhiên các bị cáo không chịu cải tạo để trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội, mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Điều này chứng tỏ các bị cáo coi thường pháp luật và khó cải tạo. Do vậy cần phải xử lý nghiêm, bắt các bị cáo phải cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian dài tương xứng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội và nhân thân của từng bị cáo mới có tác dụng cải tạo, giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo có nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Ông Lê Văn Q đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì nên không xem xét giải quyết.

- Bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 1.000.000 đồng là giá trị của chiếc điện thoại Iphone 6s và số tiền 1.200.000 đồng để trong cốp xe mô tô mà các bị cáo đã trộm cắp của bà. Do vậy các bị cáo phải bồi thường cho bà Đ số tiền 2.200.000 đồng, mỗi bị cáo phải bồi thường $1/2 = 1.100.000$ đồng. Số tiền này các bị cáo đã nộp trước khi mở phiên tòa tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.

[7] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 2.300.000 đồng các bị cáo bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision trộm cắp của và Nguyễn Thị Đ, chiếc xe đã thu hồi được và trả lại cho bà Đ, bà Đ không yêu cầu bồi thường gì nên số tiền này do các bị cáo phạm tội mà có, các bị cáo đã sử dụng hết nên sẽ truy thu của các bị cáo để sung ngân sách Nhà nước. Chia theo kỷ phần các bị cáo được hưởng, truy thu của bị cáo T số tiền 1.300.000 đồng và truy thu của bị cáo D số tiền 1.000.000 đồng.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng là của bị cáo T đã sử dụng làm phương tiện thực hiện tội phạm nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 vật bằng kim loại, dạng chữ “L”; 04 vật hình trụ bằng kim loại; 01 cờ lê bằng kim loại; 01 đôi găng tay vải màu xám; 01 quần vải màu nâu; 01 áo dài tay và 01 mũ bảo hiểm loại nửa đầu là những đồ vật T sử dụng làm công cụ phạm tội, những vật chứng này không có giá trị sử dụng nên tịch thu cho tiêu hủy.

[8] Về án phí:

Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo D là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo và gia đình thuộc diện hộ nghèo của xã năm 2024. Do vậy miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[9] Các vấn đề khác:

Đối với anh Đinh Văn C: Kết quả điều tra đến nay xác định anh C là người ở trọ cùng với T và D nhưng không biết và không tham gia thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng T và D. Mặt khác, anh C không biết nguồn gốc chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu xanh, biển số 89B2-144.14 mà T cất giấu ở bụi chuối gần công trường do anh quản lý là tài sản do T và D trộm cắp mà có. Do vậy không có căn cứ để xem xét xử lý.

Đối với người đàn ông đã mua chiếc xe mô tô Honda Vision màu xanh, biển số 89B2-144.14 theo lời khai của T: kết quả điều tra đến nay xác định, do không phải là người địa phương nên T không biết tên, tuổi, địa chỉ của người đã mua chiếc xe mô tô biển số 89B2-144.14 như thế nào, không biết địa điểm mua, bán xe thuộc khu vực nào. Do vậy không đủ thông tin để xác minh, làm rõ và xử lý.

Đối với hành vi sử dụng biển số 98B2-751.58 gắn vào chiếc xe mô tô Honda Wave đăng ký biển số 98AF-074.43 không phải biển số đăng ký do cơ quan có thẩm quyền cấp của Vũ Trọng T đã vi phạm điểm d khoản 2 điều 17 Nghị định số 100/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ, được sửa đổi bổ sung theo khoản 10 Điều 2 Nghị định số 123/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã có văn bản đề nghị Công an huyện TL xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt đối với bị cáo và các vấn đề khác cần giải quyết trong vụ án là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Vũ Trọng T và Lưu Văn D.

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Trọng T và bị cáo Lưu Văn D phạm tội Trộm cắp tài sản

Xử phạt:

Bị cáo Vũ Trọng T 05 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 15/7/2024.

Bị cáo Lưu Văn D 04 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 15/7/2024.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự; Các Điều 584, 585, 587 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc các bị cáo Vũ Trọng T và Lưu Văn D, mỗi bị cáo phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 1.100.000đ (*Một triệu một trăm ngàn đồng*). Bà Nguyễn Thị Đ được nhận số tiền 2.200.000đ (*Hai triệu hai trăm ngàn đồng*) do các bị cáo bồi thường tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện TL, tỉnh Hưng Yên theo Biên lai thu tiền ký hiệu số: BLTT/24 số 000573 ngày 18/12/2024.

[3] Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Truy thu của bị cáo Vũ Trọng T số tiền 1.300.000đ (*Một triệu ba trăm ngàn đồng*), truy thu của bị cáo Lưu Văn D số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) sung ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng, biển số 98 AF-074.43, số máy JA70E-0419208, số khung RLHJ393XRY106714.

- Tịch thu cho tiêu hủy: 01 vật bằng kim loại, dạng chữ “L”, một đầu được bọc nhựa màu vàng dài 9,5cm, đầu còn lại rỗng hình lục giác dài 15cm; 04 vật hình trụ bằng kim loại, một đầu dẹt, đầu còn lại là hình lục giác, trong đó có 03 vật có chiều dài 08cm, 01 vật dài 04cm; 01 cờ lê bằng kim loại sáng màu, một đầu 10, một đầu 08; 01 đôi găng tay vải màu xám; 01 quần vải màu nâu; 01 áo dài tay, loại vải kaki màu vàng nhạt, bên trên túi áo ngực phía trước bên trái áo có dòng chữ U.S.ARMY; 01 mũ bảo hiểm loại nửa đầu, có kính chắn gió, mũ màu đỏ có ghi chữ “HJC”.

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo Vũ Trọng T phải chịu 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lưu Văn D.

[5] Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo; Vắng mặt người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện TL;
- Công an huyện TL;
- Chính quyền địa phương;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục THA DS huyện TL;
- Lưu hồ sơ án phạt nhân thân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lý

